TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128 /2022/HNGĐ-ST.
Ngày 24/5/2022.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH Q

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Min.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân và ông Phan Văn Hoàng

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh.

***-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2021/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân-gia đình về ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1984**.**
- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Tổ 18, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Q.

Bà N có mặt tại phiên tòa. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Lê Thị N và ông Phạm Văn Đ tự nguyện kết hôn năm 2005 có đăng ký tại UBND xã B. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ hay ghen tuông vô cớ nên gây gỗ, đánh đập, xúc phạm bà N. Trước đây bà N đã xin ly hôn nhưng sau đó đoàn tụ. Tuy nhiên, ông Đ vẫn không thay đổi và thường xuyên xúc phạm bà N. Hiện tại vợ chồng không còn sống chung. Vì vậy bà N yêu cầu được ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn Tr, sinh ngày 21/12/2004 và Phạm Lê Bảo Tr, sinh ngày 15/9/2010. Bà N có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Lê Bảo T và giao cháu Phạm Văn Tr cho ông Đ nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

- *Ý kiến của bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ thống nhất với ý kiến của bà Lê Thị N về thời gian, điều kiện kết hôn và thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ bà N nên ông Đ không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn Tr, sinh ngày 21/12/2004 và Phạm Lê Bảo Tr, sinh ngày 15/9/2010. Ông Đ có nguyện vọng nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Vợ chồng không có tài sản chung và các khoản nghĩa vụ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên:*

TAND huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành pháp luật khi tham gia tố tụng. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn bà N và giao cháu Tr cho bà N nuôi dưỡng và giao cháu Tr cho ông Đ nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy việc xét xử vắng mặt ông Đ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Phạm Văn Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân giữa ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông Đ nhiều lần xúc phạm bà N. Hiện nay, ông bà không còn sống chung. Do vậy có căn cứ để xác định trong thời kỳ hôn nhân, ông Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N ly hôn ông Đ.

[3]. Về con chung: Bà N và ông Đ có 02 con chung là Phạm Văn Tr, sinh ngày 21/12/2004 và Phạm Lê Bảo Tr, sinh ngày 15/9/2010.

Hiện tại các cháu đang sống với ông Đ; bà N mặc dù sống riêng nhưng vẫn thường xuyên đến chăm sóc các cháu. Cháu Tr có nguyện vọng sống với bà N. Cháu Tr có nguyện vọng sống với ông Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu Tr cho bà N nuôi dưỡng và giao cháu Tr cho ông Đ nuôi dưỡng là phù hợp. Do các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà N và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5].Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết *326/2016*/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, cho bà Lê Thị N ly hôn ông Phạm Văn Đ.

[2]. Về con chung:

- Giao cháu Phạm Lê Bảo Tr, sinh ngày 15/9/2010 cho bà Lê Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

- Giao cháu Phạm Văn Tr, sinh ngày 21/12/2004 cho ông Phạm Văn Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

- Bà N, ông Đ có quyền thăm con, không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng y)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà N đã nộp theo biên lai thu số số 0005552 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

[4].Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/5/2022). Ông Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Q
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Những người tham gia tố tụng
-UBND xã B
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Min